

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ**

Số: /UBND-KT

V/v chấp thuận Phương  
án sử dụng tầng đất mặt  
của đất được chuyển đổi  
từ đất chuyên trồng lúa  
nước sang đất phi nông  
nghiệp để thực hiện công  
trình Khu tái định cư  
Đồng Gò Tre

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đức Phổ, ngày tháng 5 năm 2023

Kính gửi: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh

Căn cứ Điều 57 Luật Trồng trọt ngày 19/11/2018; Điều 14 Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác và Công văn số 3572/UBND-NNTN ngày 05/8/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc bảo vệ, sử dụng tầng đất mặt của đất chuyên trồng lúa nước sang mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1044/QĐ-UBND ngày 05/08/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn, đoạn qua tỉnh Quảng Ngãi thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 3410/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 của UBND thị xã Đức Phổ về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư Đồng Gò Tre, xã Phổ Phong, thị xã Đức Phổ thuộc Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn, đoạn qua tỉnh Quảng Ngãi thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1072/QĐ-BQL ngày 28/11/2022 của Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình: Khu tái định cư Khu tái định cư Đồng Gò Tre, xã Phổ Phong, thị xã Đức Phổ thuộc Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn, đoạn qua tỉnh Quảng Ngãi thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025;

Trên cơ sở Biên bản kiểm tra địa điểm sử dụng lớp đất mặt của đất được chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp để thực hiện công trình Khu tái định cư Đồng Gò Tre, xã Phổ Phong, thị xã Đức Phổ, thành

phần tham dự gồm: Phòng Kinh tế, UBND Phổ Phong và Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh (chủ đầu tư), ngày 15/5/2023.

Xét đề nghị của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh tại Tờ trình số 161/TTr-BQL ngày 08/5/2023 về việc phê duyệt phương án sử dụng tầng đất mặt được chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp để thực hiện công trình Khu tái định cư Đồng Gò Tre, xã Phổ Phong, thị xã Đức Phổ và ý kiến đề xuất của Phòng Kinh tế tại Công văn số 238/PKT ngày 16/5/2023, UBND thị xã Đức Phổ có ý kiến như sau:

1. Chấp thuận Phương án sử dụng tầng đất mặt của đất được chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp để thực hiện công trình Khu tái định cư Đồng Gò Tre, xã Phổ Phong, thị xã Đức Phổ, cụ thể như sau:

a) Diện tích tầng đất mặt ruộng lúa trong dự án Khu tái định cư Đồng Gò Tre, thuộc xã Phổ Phong, thị xã Đức Phổ cần bóc tách là **62.490,5m<sup>2</sup>**, cụ thể:

TT	Tờ bản khu đất	Số thửa	Tờ bản đồ số	Loại đất	Diện tích bóc tách (m <sup>2</sup> )	Chiều sâu bóc tách (m)	Khối lượng bóc tách (m <sup>3</sup> )	Ghi chú
1	1	540	21	LUC	146,6	0,2	29,32	
2	1	581	21	LUC	270,6	0,2	54,12	
3	1	582	21	LUC	295,3	0,2	59,06	
4	1	583	21	LUC	178,1	0,2	35,62	
5	1	585	21	LUC	685	0,2	137	
6	1	586	21	LUC	600,2	0,2	120,04	
7	1	587	21	LUC	560,2	0,2	112,04	
8	1	588	21	LUC	757	0,2	151,4	
9	1	589	21	LUC	1274	0,2	254,8	
10	1	590	21	LUC	64,9	0,2	12,98	
11	1	631	21	LUC	1461	0,2	292,2	
12	1	632	21	LUC	999	0,2	199,8	
13	1	635	21	LUC	636	0,2	127,2	
14	1	678	21	LUC	506,7	0,2	101,34	
15	1	679	21	LUC	850,8	0,2	170,16	
16	1	680	21	LUC	433,4	0,2	86,68	
17	1	681	21	LUC	398,8	0,2	79,76	
18	1	682	21	LUC	320	0,2	64	
19	1	731	21	LUC	779,4	0,2	155,88	
20	1	1237	21	LUC	500	0,2	100	
21	1	1482	21	LUC	128	0,2	25,6	
22	1	1515	21	LUC	835	0,2	167	
23	1	1516	21	LUC	506	0,2	101,2	
24	1	1573	21	LUC	13,5	0,2	2,7	
25	1	1574	21	LUC	129,5	0,2	25,9	

TT	Tờ bản khư đất	Số thửa	Tờ bản đồ số	Loại đất	Diện tích bóc tách (m <sup>2</sup> )	Chiều sâu bóc tách (m)	Khối lượng bóc tách (m <sup>3</sup> )	Ghi chú
26	1	1575	21	LUC	467,1	0.2	93,42	
27	1	1519	21	LUC	567	0.2	113,4	
28	1	1470	21	LUC	684	0.2	136,8	
29	1	328	22	LUC	212	0.2	42,4	
30	1	331	22	LUC	787,3	0.2	157,46	
31	1	332	22	LUC	121,8	0.2	24,36	
32	1	357	22	LUC	352,1	0.2	70,42	
33	1	358	22	LUC	511	0.2	102,2	
34	1	361	22	LUC	873	0.2	174,6	
35	1	365	22	LUC	195,6	0.2	39,12	
36	1	366	22	LUC	899,4	0.2	179,88	
37	1	369	22	LUC	486	0.2	97,2	
38	1	397	22	LUC	5,1	0.2	1,02	
39	1	398	22	LUC	405,4	0.2	81,08	
40	1	399	22	LUC	490	0.2	98	
41	1	400	22	LUC	48	0.2	9,6	
42	1	405	22	LUC	35,1	0.2	7,02	
43	1	406	22	LUC	428,2	0.2	85,64	
44	1	407	22	LUC	1035	0.2	207	
45	1	435	22	LUC	711	0.2	142,2	
46	1	436	22	LUC	836	0.2	167,2	
47	1	437	22	LUC	478,4	0.2	95,68	
48	1	440	22	LUC	472	0.2	94,4	
49	1	443	22	LUC	996,7	0.2	199,34	
50	1	470	22	LUC	777	0.2	155,4	
50	1	471	22	LUC	1.281,3	0.2	256,26	
52	1	472	22	LUC	169,5	0.2	33,9	
53	1	473	22	LUC	125,3	0.2	25,06	
54	1	474	22	LUC	973	0.2	194,6	
55	1	475	22	LUC	983,8	0.2	196,76	
56	1	505	22	LUC	661,8	0.2	132,36	
57	1	506	22	LUC	519	0.2	103,8	
58	1	507	22	LUC	609	0.2	121,8	
59	1	508	22	LUC	568	0.2	113,6	
60	1	509	22	LUC	457	0.2	91,4	
61	1	510	22	LUC	612	0.2	122,4	
62	1	511	22	LUC	525	0.2	105	
63	1	512	22	LUC	1.034	0.2	206,8	

TT	Tờ bản khu đất	Số thửa	Tờ bản đồ số	Loại đất	Diện tích bóc tách (m <sup>2</sup> )	Chiều sâu bóc tách (m)	Khối lượng bóc tách (m <sup>3</sup> )	Ghi chú
64	1	513	22	LUC	727	0.2	145,4	
65	1	514	22	LUC	901	0.2	180,2	
66	1	544	22	LUC	373,6	0.2	74,72	
67	1	545	22	LUC	508	0.2	101,6	
68	1	546	22	LUC	552	0.2	110,4	
69	1	547	22	LUC	1.379	0.2	275,8	
70	1	548	22	LUC	518	0.2	103,6	
71	1	549	22	LUC	138,2	0.2	27,64	
72	1	550	22	LUC	550,4	0.2	110,08	
74	1	551	22	LUC	656	0.2	131,2	
75	1	552	22	LUC	405	0.2	81	
76	1	553	22	LUC	997	0.2	199,4	
77	1	586	22	LUC	967	0.2	193,4	
78	1	591	22	LUC	634	0.2	126,8	
79	1	617	22	LUC	1.102,9	0.2	220,58	
80	1	618	22	LUC	936	0.2	187,2	
81	1	619	22	LUC	1231	0.2	246,2	
82	1	624	22	LUC	587	0.2	117,4	
83	1	625	22	LUC	814	0.2	162,8	
84	1	626	22	LUC	1.143,8	0.2	228,76	
85	1	627	22	LUC	606,5	0.2	121,3	
86	1	671	22	LUC	307,1	0.2	61,42	
87	1	675	22	LUC	92,9	0.2	18,58	
88	1	676	22	LUC	584	0.2	116,8	
89	1	677	22	LUC	986,1	0.2	197,22	
90	1	714	22	LUC	725,1	0.2	145,02	
91	1	715	22	LUC	1033	0.2	206,6	
92	1	716	22	LUC	1.380,2	0.2	276,04	
93	1	717	22	LUC	544,7	0.2	108,94	
94	1	1209	22	LUC	166,4	0.2	33,28	
95	1	1211	22	LUC	548	0.2	109,6	
96	1	1723	22	LUC	449	0.2	89,8	
97	1	1724	22	LUC	756	0.2	151,2	
98	1	1725	22	LUC	325	0.2	65	
99	1	1726	22	LUC	750	0.2	150	
100	1	1727	22	LUC	202	0.2	40,4	
101	1	1728	22	LUC	330	0.2	66	
102	1	1729	22	LUC	852	0.2	170,4	

TT	Tờ bản khu đất	Số thửa	Tờ bản đồ số	Loại đất	Diện tích bóc tách (m <sup>2</sup> )	Chiều sâu bóc tách (m)	Khối lượng bóc tách (m <sup>3</sup> )	Ghi chú
103	1	1730	22	LUC	210	0.2	42	
104	1	1731	22	LUC	304	0.2	60,8	
105	1	1732	22	LUC	278	0.2	55,6	
106	1	434	22	LUC	1.217,7	0.2	243,54	
<b>Tổng cộng</b>					<b>62.490,50</b>	<b>0,00</b>	<b>12.498,10</b>	

Độ sâu bóc tách tầng đất mặt: h = 20cm; tổng khối lượng đất mặt phải bóc tách:  $0,2m \times 62.490,5m^2 = 12.498,1m^3$

b) Phương án sử dụng:

b.1) Sử dụng trong khuôn viên dự án: **1.463,75m<sup>3</sup>**

Để đắp đất trong khuôn viên cây xanh dự án tại 02 vị trí CX1(1.559,0m<sup>2</sup>), CXCL (1.368,5m<sup>2</sup>) với tổng diện tích 2.927,5m<sup>2</sup> và chiều cao đắp khoảng 0.5m (theo Quyết định số 1072/QĐ-UBND ngày 28/11/2022 của Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình Khu tái định cư Đồng Gò Tre, xã Phổ Phong, thị xã Đức Phổ, khối lượng tầng đất mặt được tận dụng để đắp vào lớp mặt khu công viên cây xanh dày 50cm).

b.2) Sử dụng ngoài khuôn viên dự án: **11.034,35m<sup>3</sup>**

- Vận chuyển đến độ vị trí tại các thửa đất thuộc tờ bản đồ địa chính số 54, xã Phổ Phong, thị xã Đức Phổ; loại đất LUC, với tổng diện tích là **22.415,0 m<sup>2</sup>**; đất do UBND phường quản lý và đất hộ gia đình, cá nhân quản lý, sử dụng, cụ thể:

TT	Chủ sử dụng đất	Thửa đất	Tờ bản đồ	Loại đất	Diện tích thửa (m <sup>2</sup> )	Diện tích cần cải tạo (m <sup>2</sup> )	Chiều cao tôn tạo (m)	Ghi chú
1	Trần Ba	177	54	LUC	617,0	617,0	0,5	
2	Phan Văn Bông	178	54	LUC	787,0	787,0		
3	Lê Trai	179	54	LUC	662,0	662,0		
4	UBND xã Phổ Phong	180	54	LUC	408,0	408,0		
5	UBND xã Phổ Phong	200	54	LUC	533,0	533,0		
6	Huỳnh Xu	201	54	LUC	833,0	833,0		
7	Trần Tiền	202	54	LUC	596,0	596,0		

TT	Chủ sử dụng đất	Thửa đất	Tờ bản đồ	Loại đất	Diện tích thửa (m <sup>2</sup> )	Diện tích cần cải tạo (m <sup>2</sup> )	Chiều cao tôn tạo (m)	Ghi chú
8	Trần Kim Sơn	203	54	LUC	851,0	851,0		
9	Nguyễn Thị Bon	214	54	LUC	673,0	673,0		
10	Nguyễn Bảy	215	54	LUC	977,0	977,0		
11	Nguyễn Đình Tân	232	54	LUC	1.139,0	1.139,0		
12	Bùi Văn Em	233	54	LUC	907,0	907,0		
13	Nguyễn Văn Tư	235	54	LUC	1.078,0	1.078,0		
14	Nguyễn Bảy	247	54	LUC	889,0	889,0		
15	Lê Thị Thìn	248	54	LUC	693,0	693,0		
16	UBND xã Phố Phong	289	54	LUC	614,0	614,0		
17	Nguyễn Hoa	268	54	LUC	714,0	714,0		
18	Phan Văn Thân	269	54	LUC	815,0	815,0		
19	UBND xã Phố Phong	270	54	LUC	718,0	718,0		
20	Phan Văn Minh	271	54	LUC	873,0	873,0		
21	Bùi Hiền	287	54	LUC	511,0	511,0		
22	Đặng Tám	305	54	LUC	611,0	611,0		
23	UBND xã	307	54	LUC	765,0	765,0		
24	Đặng Tuất	308	54	LUC	544,0	544,0		
25	UBND xã Phố Phong	309	54	LUC	528,0	528,0		
26	Nguyễn Tín	310	54	LUC	575,0	575,0		
27	Nguyễn Sáu	311	54	LUC	526,0	526,0		
28	Phan Thân	315	54	LUC	771,0	771,0		
29	Trần Ngọc Đồng	338	54	LUC	1.264,0	1.264,0		
30	Đặng Đình Bảy	339	54	LUC	943,0	943,0		
<b>Tổng cộng</b>					<b>22.415,0</b>	<b>22.415,0</b>		

Đất sản xuất nông nghiệp bị trũng thấp khó canh tác, nhằm đề tôn cao thuận lợi cho canh tác sản xuất nông nghiệp. Chiều cao tôn cao đất khoảng 0,5m:

$$22.415,0\text{m}^2 \times 0,5\text{m} \approx 11.034,35\text{m}^3$$

## **2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh (chủ đầu tư):**

- Lập đầy đủ hồ sơ, thủ tục xin chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất trình cơ quan có thẩm quyền xem xét quyết định.

- Thông báo thời gian thực hiện Phương án cho UBND thị xã (qua Phòng Kinh tế), UBND xã Phổ Phong để theo dõi, giám sát quá trình bóc tách và sử dụng tầng đất mặt theo đúng quy định.

- Trong quá trình vận chuyển, Chủ đầu tư phải thực hiện việc che phủ vật liệu, tránh rơi vãi trong quá trình vận chuyển, đổ đất đúng vị trí và san tạo bằng phẳng để thuận lợi trong việc canh tác sản xuất nông nghiệp.

- Phải được UBND xã Phổ Phong xác nhận khối lượng thực tế đổ đất (các thửa đất được tôn tạo) đối với các vị trí sử dụng ngoài khuôn viên.

## **3. UBND xã Phổ Phong:**

- Theo dõi, kiểm tra, giám sát quá trình bóc tách và sử dụng tầng đất mặt theo đúng quy định, đồng thời xác nhận khối lượng thực tế đổ đất sau khi hoàn thiện đối với vị trí sử dụng ngoài khuôn viên.

- Sau khi thực hiện tôn tạo đất (các thửa đất được tôn tạo) phải sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, được bảo vệ và sử dụng hiệu quả, không sử dụng vào các mục đích khác.

Đề nghị Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan để triển khai thực hiện các bước tiếp theo quy định./.

### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- CT, các PCT UBND thị xã;
- VP HĐND và UBND thị xã;
- Phòng Kinh tế;
- UBND xã Phổ Phong;
- Lưu: VT, PKT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Võ Minh Vương**